TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **67** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 10 – 2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy
Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Phi Hùng
Ông Trần Công Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N,** sinh năm 1978 (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Đức M,** sinh năm 1971(Có mặt)

Cùng trú tại: Tổ 1, ấp 7, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2017, quá trình thu thập chứng cứ và xét xử nguyên đơn Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N và ông Lê Đức M chung sống với nhau từ năm 1995. Năm 2013 ông bà đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 02 tháng 8 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông M không lo cho gia đình và còn nhiều

lần đánh đập bà N. Ông bà đã từng sống ly thân trong khoảng thời gian từ năm 1997 đến năm 2008, sau khi quay về sống chung ông bà lại tiếp tục mâu thuẫn, không thể hoà hợp, tình cảm không còn. Do vậy, bà N yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung, con lớn là Lê Trần H, sinh ngày 03/6/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Bà Trần Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chưa thành niên gồm Lê Trần Kim Yến, sinh ngày 28/5/2009; Lê Trần Ánh M, sinh 01/9/2011; Lê Trần Tấn T, sinh ngày 03/01/2014 và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai đương sự tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Kèm theo đơn khởi kiện bà N đã cung cấp cho Tòa án trích lục kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2017, quá trình thu thập chứng cứ và xét xử ông Lê Đức M trình bày:

Ông Lê Đức M thống nhất với lời khai của bà Trần Thị N về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về việc bà Trần Thị N cho rằng ông M không lo cho gia đình là không đúng, vì ông M là người làm việc và lo cho cả gia đình, bà N không có đóng góp gì; ông không đánh đập nhưng khi vợ chồng cãi nhau thì ông M có tát vào mặt bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, ông M không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông M đồng ý ly hôn và đồng ý giao ba con chung cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án ông M không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: Không.

Về nội dung vụ án: Tại phiên toà, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đức M và bà Trần Thị N; giao 03 con chung cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với ông Lê Đức M hiện cư trú tại ấp ấp 7, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Lê Đức M tự nguyện chung sống và năm 2013 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa bà Trần Thị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn và xin được trực tiếp nuôi con chung Lê Trần Kim Y, Lê Trần Ánh M, Lê Trần Tấn T, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nguyện vọng con chung ngày 04/9/2017 cháu Kim Yến có nguyện vọng được ở với mẹ. Toà án không ghi nhận nguyện vọng của cháu Ánh M và Tấn T vì chưa đủ 7 tuổi.

Ông Lê Đức M chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị N.

Do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận phân chia; nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Lê Đức M.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 81, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày ngày 02 tháng 8 năm 2013 không còn giá trị pháp lý khi bản

án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Lê Trần Kim Yến, sinh ngày 28/5/2009; Lê Trần Ánh M, sinh 01/9/2011; Lê Trần Tấn T, sinh ngày 03/01/2014 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị N về việc không yêu cầu ông Lê Đức M cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Bà Trần Thị N chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012289 ngày 21/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- THADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy